

Bản án số: **657/2020/KDTM-PT**

Ngày: 13/7/2020

V/v: t/c Hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Trinh**

2. Bà **Vũ Thị Hường**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 6 năm 2020, 03 tháng 7 năm 2020 và 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2020/KDTM-PT ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 69/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2108/2020/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4696/2020/QĐ-HPT ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty S.**

Trụ sở: đường DCT, phường TD, Quận M Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông K (theo Giấy ủy quyền ngày 13/3/2020). Địa chỉ: đường QT, Phường 11, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. *Bị đơn:* **Công ty Y.**

Trụ sở: đường HH, Phường 12, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông KH (theo Giấy ủy quyền số 01/2020/UQ-YO ngày 18/6/2020) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty S (gọi tắt là S) và Công ty Y (gọi tắt là Y) đã ký kết với nhau hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2015/S-Y (gọi tắt là HĐ45) ngày 14/8/2015 để truyền dẫn phát sóng kênh HTVC+ với giá trị hợp đồng là 13.024.000.000 đồng. Theo hợp đồng, Y thuê S truyền dẫn phát sóng kênh HTVC+ do Y sở hữu và đưa vào trong gói kênh của S với tên gọi “Gói kênh Kỹ Thuật số”. Thời hạn của hợp đồng là 03 năm kể từ ngày kênh HTVC+ chính thức được phát sóng trên hệ thống của S.

Sau khi ký kết hợp đồng, S đã thực hiện việc truyền dẫn phát sóng kênh HTVC+ do Y sở hữu và nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã ký kết. Tuy nhiên, ngày 22/02/2017, Y có công văn đề nghị S ngưng hợp tác truyền dẫn phát sóng kênh HTVC+ bắt đầu từ ngày 01/3/2017. S đã đồng ý với đề nghị của Y và yêu cầu Y phải thanh toán số công nợ 5.234.682.012 đồng mà S đã thực hiện theo đúng thỏa thuận trong HĐ45. S đã gửi các hóa đơn giá trị gia tăng và công văn yêu cầu trả nợ cho Y. Tuy nhiên sau nhiều lần hứa hẹn nhưng Y vẫn không thanh toán công nợ cho S. Do đó ngày 07/5/2019 S đã khởi kiện Y đến Tòa án nhân dân QUẬN M. Tại phiên tòa ngày hôm nay, S yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2015/S-Y ngày 14/8/2015 kể từ ngày 01/3/2017; yêu cầu Y phải thanh toán cho S số tiền 5.234.682.012 đồng. S tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với Y từ ngày Y có nghĩa vụ trả tiền cho S đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 69/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân QUẬN M Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 74, Điều 85, Điều 87, Điều 317 và Điều 319 của Luật Thương mại;

- Áp dụng Điều 401, Điều 422, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Chấm dứt hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2015/S-Y ngày 14/8/2015 giữa Công ty S và Công ty Y kể từ ngày 01/3/2017.

1.2. Buộc Công ty Y phải trả cho Công ty S số tiền 5.234.682.012 đồng (năm tỷ, hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, không trăm mười hai đồng) thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Công ty Y phải chịu 113.234.682 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại.

Công ty S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.617.341 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017314 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/12/2019, bị đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của Bị đơn và Nguyên đơn đã thống nhất thỏa thuận như sau:

- Công ty Y và Công ty S thống nhất khoản nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2015/S-Y ngày 14/8/2015 được xác lập giữa Công ty Y và Công ty S là 2.617.341.096 đồng.

- Công ty Y đồng ý trả khoản nợ trên cho Công ty S vào ngày 20/7/2020.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn chịu.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Y và Công ty S đã thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và việc chịu án phí sơ thẩm. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo

đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 84.346.882 đồng và án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do tại hợp đồng các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi do nợ quá hạn nên căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Công ty Y đồng ý trả cho Công ty S 2.617.341.096 đồng là khoản nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT/2015/S-Y ngày 14/8/2015 được xác lập giữa Công ty Y và Công ty S.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Y phải chịu án phí là 84.346.882 đồng.

Công ty S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.617.341 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017314 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Y phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014201 ngày 23/12/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN M TP. Hồ Chí Minh. Công ty Y đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- TAND QUẬN M;
- Cục THADS TP HCM
- Chi cục THADS QUẬN M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy